TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 353/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 14 – 8 – 2017.
V/v "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Minh Tân**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Sương.**
2. Ông **Nguyễn Hiếu Nhân**.
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Lan** – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng P** (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh **Võ Văn T1** (*có mặt*).

Cùng trú tại: Khóm G, thị trấn H, huyện I, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Trên cơ sở mai mối, được sự đồng ý của gia đình chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Võ Văn T1 tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện I, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 thường xuyên uống rượu bia về nhà dùng vũ lực với vợ con làm cho vợ chồng thường xuyên cự cải, dẫn đến mất hạnh phúc. Nên vào năm 2015, chị P khởi kiện ly hôn với anh T1, được Tòa án nhân dân huyện Tam Bình hòa giải động viên vợ chồng hàn gắn tình cảm đoàn tụ. Trong thời gian đoàn tụ, anh T1 vẫn không cải sửa vẫn thường xuyên uống rượu bia về nhà đập phá tài sản gia đình và dùng vũ lực với con. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên vào tháng 6/2017 chị P và con bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị sống ly thân với anh T1. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, anh T1 vẫn thường xuyên uống rượu bia không thay đổi. Vì vậy, chị P yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn. Về con chung, chị P và anh T1 có với nhau 01 người con chung tên Võ Nguyễn Thùy T2 sinh ngày 01/7/2005. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi cháu T2 phù hợp với nguyện vọng của cháu, chị P không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, chị P xác định chị P và anh T1 không có tài sản chung và không nợ chung ai, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản phiên họp hòa giải ngày 01 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Võ Văn T1 trình bày: Anh T1 thống nhất với lời trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, về tài sản chung và nợ chung không có. Anh thừa nhận vào năm 2015 chị P có khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tam Bình nhưng được động viên vợ chồng trở về đoàn tụ. Trong thời gian đoàn tụ, anh thừa nhận có uống rượu không làm chủ được bản thân nên cự cải với vợ và đập điện thoại của cháu T2. Anh biết sai, anh hứa sẽ cải sửa nên yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung, anh T1 xác định anh T1 và chị P không có tài sản chung và không nợ chung ai, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng P và lời trình bày của anh Võ Văn T1 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị P và anh T1 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị P và anh T1 cùng xác định do anh T1 thường xuyên uống rượu bia về nhà dùng vũ lực với vợ con, đập phá tài sản làm cho vợ chồng thường xuyên cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Vào năm 2015, chị P đã tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Chị P xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T1, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù, trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án và đại diện hai bên gia đình đã động viên chị P và T1 hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Chị P không muốn tiếp tục chung sống với anh T1. Xét nguyên nhân mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung giữa chị P và anh T1 là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị P và anh T1.

[3]. *Về con chung và cấp dưỡng*: Chị P và anh T1 có với nhau 01 người con chung là cháu T2 đã trên 12 tuổi. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi cháu T2 phù hợp với nguyện vọng của cháu, chị P không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu T2 cho chị P được nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị P không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. *Các vấn đề về tài sản chung và nợ chung*: Xét lời trình bày của chị P và anh T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung và không nợ chung ai. Chị P và anh T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án dân sự theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án. Do đó, chị P phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Võ Văn T1.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Võ Nguyễn Thùy T2 sinh ngày 01/7/2005 cho chị Nguyễn Thị Hồng P được nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu T2. Ghi nhận ý kiến của chị P không yêu cầu anh Võ Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Võ Văn T1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng P phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này chị P được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0010097 ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P và bị đơn anh Võ Văn T1. Báo cho chị P và anh T1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND thị trấn H: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)

CAO MINH TÂN